

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 02/2022/HS-ST
Ngày 04- 01-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Hải

Bà Lê Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Vi Đức Hoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 79/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐXXST-QĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021, đối với:

- *Bị cáo:* Hoàng Thị T, sinh ngày 19-9-1989 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lành Ngọc P và bà Hoàng Thị N; Chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07-9-2021 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nông Chí K, Luật sư Văn phòng Luật sư N, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1991; địa chỉ: Số xxx, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Nông Thị L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 2008, Hoàng Thị T sang khu vực huyện B, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc sinh sống và có quan hệ tình cảm với một người đàn ông Trung Quốc tên thường gọi là T1 nhưng không rõ địa chỉ. T1 bàn bạc với Hoàng Thị T về việc

tìm phụ nữ Việt Nam để đưa sang Trung Quốc làm gái phục vụ tại quán Bar do T1 quản lý, Hoàng Thị T đồng ý.

Khoảng ngày 09-4-2009, Hoàng Thị T với T1 cùng một người đàn ông Trung Quốc là bạn của T1 (không rõ tên tuổi, địa chỉ) từ khu vực P - Trung Quốc về Việt Nam và đến phòng trọ của Nguyễn Phương C là bạn học của Hoàng Thị T chơi và gặp Nông Thị L (là bạn của Nguyễn Phương C) ở đó. Hoàng Thị T đặt vấn đề với Nguyễn Phương C và Nông Thị L về việc lừa phụ nữ Việt Nam đưa sang Trung Quốc bán cho Hoàng Thị T, nếu thành công sẽ được Hoàng Thị T chia lợi nhuận.

Do biết Hoàng Thị D đang tìm việc làm, Nguyễn Phương C và Nông Thị L thống nhất sẽ đưa Hoàng Thị D sang Trung Quốc bán cho Hoàng Thị T bằng cách gọi điện và đưa ra thông tin không đúng sự thực, rủ Hoàng Thị D sang Trung Quốc bán quần áo với mức lương là 1.000.000 đồng/tháng, ban ngày bán hàng đến tối có thể về Việt Nam; Hoàng Thị D tưởng thật nên đã đồng ý. Sau đó, Nguyễn Phương C gọi điện thoại cho Hoàng Thị T thông báo đã tìm được một người phụ nữ để đưa qua Trung Quốc bán cho Hoàng Thị T. Hoàng Thị T hướng dẫn Nguyễn Phương C và Nông Thị L đưa Hoàng Thị D lên khu vực biên giới theo đường mòn gần cửa khẩu T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, Hoàng Thị T sẽ đón ở giáp biên giới phía Trung Quốc.

Khoảng 20 giờ ngày 11-4-2009, Hoàng Thị D có mặt tại phòng trọ của Nguyễn Phương C như đã hẹn rồi cùng Nguyễn Phương C, Nông Thị L đi lên khu vực cửa khẩu T để sang Trung Quốc nhưng do trời tối nên Hoàng Thị D sợ đòì về không đi nữa. Nguyễn Phương C và Nông Thị L động viên Hoàng Thị D đi sang đường khác sáng hơn, nhưng khi đang đi thì thấy Bộ đội Biên phòng Việt Nam tuần tra nên cả ba người quay về phòng trọ của Nguyễn Phương C. Hoàng Thị T chờ lâu không thấy nên gọi điện cho Nguyễn Phương C và nói sẽ cho người qua đón. Nhận được thông tin từ Hoàng Thị T, T1 cùng một người đàn ông Trung Quốc không rõ lai lịch khác đến phòng trọ của Nguyễn Phương C để đón Hoàng Thị D đi sang Trung Quốc nhưng khi đi được một đoạn thì Hoàng Thị D sợ không đi nữa mà quay về phòng trọ của Nguyễn Phương C.

Khoảng 08 giờ ngày 12-4-2009, Nguyễn Phương C và Nông Thị L tiếp tục rủ Hoàng Thị D đi sang Trung Quốc. Theo hướng dẫn của Hoàng Thị T, Nông Thị L đưa Hoàng Thị D sang Trung Quốc qua đường N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn còn Nguyễn Phương C ở nhà do có con nhỏ. Hoàng Thị T đón và đưa Nông Thị L, Hoàng Thị D vào chợ B, Trung Quốc mua quần áo. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Hoàng Thị D đòì về Việt Nam; Hoàng Thị T nói dối sẽ gọi người đưa Hoàng Thị D về Việt Nam trước còn Nông Thị L sẽ ở lại dự sinh nhật người yêu Hoàng Thị T; đồng thời Hoàng Thị T gọi điện thoại cho T1 đến đón Hoàng Thị D. Lúc này Nông Thị L hiểu Hoàng Thị T đang lừa Hoàng Thị D để đưa đi bán nên dặn Hoàng Thị D mai đem quần áo sang cho Nông Thị L để cho Hoàng Thị D tin việc Hoàng Thị T cho người đến đón Hoàng Thị D về Việt Nam là thật.

Tin lời Hoàng Thị T, Hoàng Thị D đã đi theo T1 và một người đàn ông Trung Quốc không rõ lai lịch. T1 đưa Hoàng Thị D tới một ngôi nhà cách chợ B khoảng 01km và bảo Hoàng Thị D vào nhà nhưng Hoàng Thị D không vào mà đứng ở cửa đòi về Việt Nam. Sau khi được T1 gọi điện thông báo việc Hoàng Thị D không chịu vào nhà, Hoàng Thị T bảo T1 tới đón Nông Thị L để Nông Thị L thuyết phục Hoàng Thị D vào nhà.

Khi Nông Thị L đến nơi, Hoàng Thị D bảo Nông Thị L “hình như bị lừa rồi” nhưng Nông Thị L nói “cứ vào nhà thử xem công việc như thế nào, nếu không làm được thì về”. Hoàng Thị D đi theo Nông Thị L cùng hai người đàn ông Trung Quốc lên tầng hai của ngôi nhà đó và bị T1 đóng cửa phòng nhốt Hoàng Thị D ở trong. Sau đó T1 đưa Nông Thị L quay trở lại chỗ Hoàng Thị T đang đợi rồi tiếp tục chở Nông Thị L và Hoàng Thị T đến khu vực P, Trung Quốc để cả hai người đi bộ về Việt Nam. Hoàng Thị T đưa cho Nông Thị L 1.000.000 đồng, đưa cho Nguyễn Phương C 1.200.000 đồng. Nông Thị L và Nguyễn Phương C nhận thức được đây là số tiền công được Hoàng Thị T trả cho mình do đã lừa đưa Hoàng Thị D qua Trung Quốc bán.

Ngày 15-4-2009, Hoàng Thị D bỏ trốn và nhờ người dân Trung Quốc đưa đi tố cáo với Công an Trung Quốc và được Công an Trung Quốc đưa đến khu vực L để về Việt Nam. Ngày 22-4-2009, Hoàng Thị D đến Công an tỉnh Lạng Sơn tố cáo hành vi của Nguyễn Phương C, Nông Thị L và Hoàng Thị T.

Ngày 28-5-2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định khởi tố vụ án, sau đó ra Quyết định khởi tố bị can; ngày 25-11-2009, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã đưa vụ án ra xét xử và tuyên phạt Nông Thị L 06 năm tù, Nguyễn Phương C 05 năm tù về tội Mua bán phụ nữ.

Đối với Hoàng Thị T, sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định truy nã. Ngày 07-9-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng phát hiện Hoàng Thị T đang cách ly tại Cơ sở cách ly phòng chống dịch Covid-19 thuộc địa bàn tỉnh Cao Bằng là đối tượng bị truy nã theo Quyết định truy nã số 04 ngày 30-6-2009 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn lập biên bản bắt người đang bị truy nã đối với Hoàng Thị T.

Bản Cáo trạng số 134/CT-VKS-P2 ngày 27-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo về tội Mua bán phụ nữ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra và phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH 14; điểm d khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Thị T từ

07 năm đến 08 năm tù. Đề nghị áp dụng Điều 176 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả lại bị cáo 01 điện thoại di động. Về trách nhiệm dân sự, không xem xét giải quyết vì bị hại không yêu cầu.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T: Nhất trí với quan điểm, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân và xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, bị hại Hoàng Thị D và người làm chứng Nông Thị L vắng mặt nhưng đã có lời khai, đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng theo quy định của Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Vì mục đích vụ lợi, bị cáo Hoàng Thị T đã bàn bạc với Nguyễn Phương C và Nông Thị L về việc đưa phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc bán. Ngày 12-4-2009, Nguyễn Phương C và Nông Thị L đã đưa chị Hoàng Thị D sang Trung Quốc để Hoàng Thị T bán cho người đàn ông Trung Quốc tên là T1.

[4] Theo điểm d khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999, tội Mua bán phụ nữ có khung hình phạt từ 05 năm tù đến 12 năm tù; theo quy định điểm d khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tội Mua bán người có khung hình phạt từ 08 năm tù đến 15 năm tù. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện khi Bộ luật Hình sự năm 1999 có hiệu lực thi hành, tuy nhiên Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Khi Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới... và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành. Vì vậy, cần áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 để giải quyết vụ án. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị truy tố, xét xử bị cáo về tội Mua bán phụ nữ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH 14; điểm d khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Hoàng Thị T là chủ mưu khởi xướng nên bị cáo có vai trò chính, còn Nguyễn Phương C và Nông Thị L là người thực hành tích cực và đã bị xét xử; Bản án hình sự phúc thẩm số 106/2010/HSPT ngày 29-3-2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đã quyết định giữ nguyên mức hình phạt đã tuyên đối với Nông Thị L là 06 năm tù và Nguyễn Phương C là 05 năm tù về tội Mua bán phụ nữ.

[6] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; ngoài tình tiết tăng nặng định khung, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo có ông ngoại là liệt sỹ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích lợi nhuận, ý thức coi thường pháp luật, coi thường danh dự nhân phẩm của người khác mà cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền tự do, quyền bất khả xâm phạm về thân thể của người khác, gây bất bình trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an, xã hội tại địa phương. Vì vậy, hành vi của bị cáo phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung nhất là đối với tội mua bán người trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết.

[8] Về hình phạt bổ sung và biện pháp tư pháp: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có tài sản riêng và chưa được hưởng lợi từ hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung và không áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết theo Bản án hình sự phúc thẩm số 106/2010/HSPT ngày 29-3-2010 của Tòa án nhân dân tối cao. Nay chị Hoàng Thị D không yêu cầu bị cáo Hoàng Thị T bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm bồi thường của các bị cáo.

[10] Do bị cáo không biết họ tên, địa chỉ cụ thể người đàn ông tên T1 nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, làm rõ.

[11] Xét ý kiến, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về tài sản thu giữ: Đối với 01 chiếc điện thoại di động loại Vivo thu giữ của bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[13] Về án phí: Do bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung ngân sách Nhà nước.

[14] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 33, 45, 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH 14 ngày 26-6-2017 của Quốc hội; điểm d khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội Mua bán phụ nữ

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 07 (bảy) năm tù về tội Mua bán phụ nữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 07-9-2021.

3. Về xử lý vật chứng: Trả bị cáo Hoàng Thị T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu hồng đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 86761405829256; IMEI 2: 867614045829249, bên trong có gắn 01 sim điện thoại nhà mạng Viettel.

(Vật chứng nói trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, có đặc điểm được mô tả theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28-10-2021).

4. Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

Nguyễn Thị Minh Thùy

